

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA**  
**THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34 và 35 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Trần Thị Mộng V** và anh **Võ Chí H**;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày **23/02/2024** về việc yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Mộng V**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15/3/2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Chị **Trần Thị Mộng V**, sinh ngày 07/02/1986;

Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.**

- Người bị kiện: Anh **Võ Chí H**, sinh ngày 17/6/1986;

Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15/3/2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15/3/2024 cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Mộng V** và anh **Võ Chí H**.

- **Về con chung:** Chị **Trần Thị Mộng V** và anh **Võ Chí H** có 02 con chung là cháu **Võ Gia B**, sinh ngày 22/10/2011 và cháu **Võ Gia H1**, sinh ngày 07/3/2013. Chị **Trần Thị Mộng V** và anh **Võ Chí H** thỏa thuận, thống nhất giao cháu **Võ Gia B** và cháu **Võ Gia H1** cho chị **Trần Thị Mộng V** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu **B** và cháu **H1** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi nuôi con chung. Anh **Võ Chí H** có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), hai cháu mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu **B** và cháu **H1** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi nuôi con. Phương thức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một lần. Anh **Võ Chí H** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được phép cản trở, ngăn cấm.

Kể từ ngày chị **Trần Thị Mộng V** có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên nếu anh **Võ Chí H** không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

*“Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị **Trần Thị Mộng V** và anh **Võ Chí H**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị **Trần Thị Mộng V** và anh **Võ Chí H** thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Can Lộc, Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Bích Đào**